

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2025/HNGĐ- ST**
Ngày : 17-6-2025
V/v tranh chấp: “Ly hôn, vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sáu

2. Bà Đỗ Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Nguyễn Thanh Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm, công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 236/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Mạnh H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: 169, phố Linh Đường, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Lệ P- Chức vụ: Giám đốc Phòng

giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Số 02

Trần Hưng Đạo, thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền số

7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng

Chính sách xã hội).

Anh H, chị H1 có mặt, bà P vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 09/9/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị H1 chung sống với nhau

từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 30/11/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ổn định tại thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đến nay. Năm 2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, năm 2024 đã sống ly thân cho đến nay.

Quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bình thường, hạnh phúc. Năm 2022 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến nhau, gặp nhau không nói chuyện, không hợp nhau. Vợ chồng cãi vã nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Năm 2023 anh H đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án và đã xét xử bác yêu cầu ly hôn của anh H. Anh H kháng cáo nhưng sau đó rút đơn khởi kiện ly hôn. Tuy nhiên vợ chồng không hàn gắn được nên anh H nộp đơn lại yêu cầu ly hôn. Nay anh H không còn yêu thương chị H1, tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H1.

Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị H1 có hai con chung là Bùi Hà A, sinh năm 2005 và Bùi Thiên P, sinh ngày 07/3/2009. Anh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phú đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp cháu Phú lựa chọn ở với mẹ thì anh H đồng ý giao con cho chị H1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với cháu An, sinh năm 2005 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản chung, anh H tự thỏa thuận với chị H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống đến nay cả hai có nợ Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Bảo Lâm số tiền gốc còn lại khoảng hơn 400 triệu đồng. Anh H yêu cầu giải quyết nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H là vợ chồng. Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như anh H trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì. Chị H1 không có lỗi gì với anh H và gia đình cho đến nay. Chị H1 vẫn yêu thương anh H nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì đã lớn tuổi, con cái cũng đã lớn nên ảnh hưởng đến tâm lý của các con.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H1 và anh H có hai con chung là Bùi Hà A, sinh năm 2005 và Bùi Thiên P, sinh ngày 07/3/2009. Trường hợp buộc phải ly hôn thì chị H1 yêu cầu được nuôi con chung là Bùi Thiên P cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu An, sinh năm 2005 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không đồng ý ly hôn với anh H nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị H1 và anh H có nợ Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Bảo Lâm số tiền gốc khi vay là 500 triệu đồng, đã trả dần và

hiện nay còn nợ gốc và lãi hơn 400 triệu đồng. Chị H1 yêu cầu giải quyết nợ theo quy định của pháp luật. Đối với nợ cá nhân thì đến nay đã trả xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn khởi kiện độc lập là Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Ngày 26/10/2022 anh H và chị H1 có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B theo hợp đồng tín dụng số 05/2022/HĐTD, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất khi ký hợp đồng là 4,8%/năm, đến năm 2024 ký phụ lục điều chỉnh lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay là 125 tháng, hạn trả nợ gốc chậm nhất là ngày 26/3/2033, mục đích vay là xây nhà ở. Khi vay thì anh H, chị H1 có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 294-TBĐ 06, xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Tính đến ngày 04/11/2024 thì anh H, chị H1 còn nợ số tiền gốc là 428.000.000 đồng, lãi phát sinh là 2.166.970 đồng. Nay anh H, chị H1 ly hôn, do nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời tài sản thế chấp cho ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng, nên để bảo đảm quyền lợi của ngân hàng, ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H, chị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc còn lại đến ngày 17/6/2025 là 250.000.000 đồng, lãi phát sinh tạm tính là 271.233 đồng, tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất đã ký kết với ngân hàng trong hợp đồng tín dụng số 05/2022/HĐTD ngày 26/10/2022, phụ lục hợp đồng cho đến khi trả xong nợ, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết với ngân hàng để bảo đảm thu hồi nợ. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/02/2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về nợ chung thì hiện nay anh H trả dần và còn nợ tiền gốc là 250 triệu đồng và đồng ý tiếp tục trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến, về con chung nếu trường hợp phải ly hôn thì yêu cầu được nuôi con chung bà Bùi Thiên P đến khi đủ 18 tuổi, đồng ý để anh H cấp dưỡng với mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Về nợ chung chị H1 thừa nhận là nợ của Ngân hàng chính sách xã hội vay để xây nhà là đúng, do vợ chồng thỏa thuận chi tiêu, chi phí trong gia đình thì anh H chịu trách nhiệm trả nợ ngân hàng, còn chị H1 chi tiêu, nuôi con ăn học, tuy nhiên đều là tiền chung của gia đình, chị đồng ý chịu trả $\frac{1}{2}$ nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung bản chi tiết nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2025 (bản chính), bổ sung hợp đồng thế chấp (bản sao).

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Mạnh H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H1, chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội đối

với anh H, chị H1. Về quan hệ hôn nhân cho anh H được ly hôn với chị H1. Về con chung đối với cháu An trên 18 tuổi tự lao động được, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết, cần xem xét sự giao cháu Bùi Thiên P, sinh ngày 07/3/2009 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung buộc anh H, chị H1 phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội theo tỷ lệ 50/50. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1 chung sống tự nguyện từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 30/11/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ổn định tại thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, cùng phát triển kinh tế, nuôi dạy con cái. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, năm 2024 đã cả hai sống ly thân cho đến nay. Anh H trình bày mâu thuẫn do phát sinh từ tình cảm, vợ chồng gặp nhau không nói chuyện, không còn quan tâm chăm sóc nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã nên tình cảm vợ chồng không còn. Năm 2023 anh H đã nộp đơn xin ly hôn chị H1 tại TAND huyện Bảo Lâm, chị H1 không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử vụ án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H. Anh H kháng cáo đến TAND tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh H rút đơn khởi kiện. Lý do rút đơn là về thu thập thêm tài liệu và tiếp tục nộp đơn ly hôn, chị H1 cũng thừa nhận anh H rút đơn là về tiếp tục nộp ly hôn, không mong muốn đoàn tụ. Đến nay vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được, mâu thuẫn kéo dài và ly thân, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Tại phiên tòa anh H vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn, chị H1 không đồng ý vì cho rằng chị H1 còn tình cảm với anh H. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng là tự nguyện, xuất phát từ hai phía, tính đến nay thì mâu thuẫn vợ chồng của anh H, chị H1 là có thật, không thể hàn gắn, nếu tiếp tục kéo dài thì gây đau khổ cho cả hai bên. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh H được ly hôn với chị H1 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời trình bày của anh H, chị H1, các bản khai sinh anh H nộp tại Tòa án thì cả hai có 02 con chung là Bùi Hà A, sinh năm 2005 và Bùi Thiên P, sinh ngày 07/3/2009. Đối với cháu An đã trên 18 tuổi, tự lao động được, anh H, chị H1 đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Bùi Thiên P hiện nay đang sinh sống với chị H1, cháu Phú

có nguyện vọng ở với mẹ. Quá trình ly thân đến nay thì chị H1 cũng đang nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu Phú, chị H1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phú đến khi đủ 18 tuổi nếu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung là Bùi Thiên P, sinh ngày 07/3/2009 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung cần xem xét sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh H là phù hợp với thực tế, pháp luật, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Phú đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh H, chị H1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Tại hợp đồng tín dụng số 05/2022/HĐTD ngày 26/10/2022 thể hiện: Ngân hàng Chính sách xã hội- Phòng giao dịch huyện Bảo Lâm có cho anh H vay số tiền 500 triệu đồng, lãi suất khi ký hợp đồng 4,8%/năm (đến nay 2024 ký phụ lục hợp đồng thay đổi lãi suất 6,6%/năm), thời hạn vay 125 tháng (trả nợ hạn cuối cùng ngày 26/3/2033), gốc trả dần 06 tháng/kỳ, kỳ đầu tiên trả 24.000.000 đồng, các kỳ tiếp theo trả 20.000.000 đồng, mục đích vay là chi phí xây dựng mới nhà để ở tại thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, giải ngân 02 lần: ngày 27/10/2022 số tiền 250 triệu đồng, ngày 31/10/2022 số tiền 250 triệu đồng, anh H ký nhận tiền. Tại hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2022/HĐTC ngày 26/10/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng với anh H, chị H1 thể hiện khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản chung của vợ chồng anh H, chị H1 là quyền sử dụng đất thửa số 254- TBĐ 06, xã LP, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Anh H, chị H1 thừa nhận là nợ chung. Hội đồng xét xử xác định khoản vay này là nợ chung của anh H, chị H1 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình sử dụng vốn vay, trả nợ vay thì anh H, chị H1 không vi phạm gì. Tính đến ngày xét xử, anh H, chị H1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi là 250.271.233 đồng. Do anh H, chị H1 ly hôn, để bảo đảm nguồn vốn, bảo đảm nợ cho Ngân hàng do thế chấp tài sản chung của vợ chồng, các bên đều yêu cầu giải quyết nợ, vì vậy cần giải quyết nợ vay trong vụ án ly hôn của anh H, chị H1. Cần xác định anh H có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ với số tiền là 125.135.617 đồng, chị H1 có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ nợ cho Ngân hàng là 125.135.617 đồng, tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa ngân hàng với anh H, chị H1 để bảo đảm thu hồi nợ cho ngân hàng. Đồng thời anh H, chị H1 tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng đã ký kết với ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cần buộc anh Bùi Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, cấp dưỡng và án phí dân sự trên số nợ phải trả. Buộc chị H1 phải chịu án phí dân sự trên số nợ phải trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 37, các điều 81, 82, 83 và 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Mạnh H đối với chị Nguyễn Thị H1 về việc “Ly hôn”.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với anh Bùi Mạnh H và bà Nguyễn Thị H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Mạnh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Buộc anh Bùi Mạnh H có nghĩa vụ giao con chung là Bùi Thiên P, sinh ngày 07/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là Bùi Hà A, sinh năm 2005 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, anh H, chị H1 không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

“Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về tài sản chung: Anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc anh Bùi Mạnh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 125.135.617 đồng (gốc 125.000.000 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 17/6/2025 là 125.617 đồng). Buộc chị Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 125.135.617 đồng (gốc 125.000.000 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 17/6/2025 là 125.617 đồng).

Anh Bùi Mạnh H, chị Nguyễn Thị H1 tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký kết với ngân hàng Chính sách xã hội từ ngày 18/6/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết số 05/2022/HĐTC ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với anh Bùi Mạnh H, chị Nguyễn Thị H1 đảm bảo đảm thu hồi nợ.

5. Về án phí:

Buộc anh Bùi Mạnh H chịu 6.856.781 đồng án phí dân sự sơ thẩm (xin ly hôn, cấp dưỡng, nợ phải trả), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007239 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, anh H còn phải nộp số tiền 6.556.781 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 6.256.781 đồng án phí dân sự sơ thẩm (nợ phải trả).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LP, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

